TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM BÌNH** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-5-2023
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Minh Trường
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Văn Hùng
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Lan - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Gấm, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1969; địa chỉ: Ấp Phú SA, xã Long P, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long; tạm trú: Số 71/5, đường Mậu Th, Khóm A, Phường B, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Phan Văn Tâm, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp Phú SA, xã Long P, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 13/02/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ph trình bày như sau:

Về hôn nhân: Bà Ph và ông T được mai mối thì đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và bắt đầu chung sống như vợ chồng từ tháng 01/1990 nhưng không có đăng ký kết hôn. Đến ngày 26/9/2002 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã Long P, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải, mâu thuẫn về kinh tế nên tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc. Hiện nay ông bà đã sống ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay, trong khoảng thời gian sống ly thân ông bà không còn quan tâm, liên lạc và thăm hỏi nhau. Nay bà Ph yêu cầu ly hôn vì xác định không còn tình cảm với ông Phan Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông bà có 03 con chung tên Phan Ngọc Trang H, sinh ngày 19/3/1993, Phan Ngọc P1, sinh ngày 03/3/2004 và Phan Ngọc Khánh H1, sinh ngày 22/02/2007. Khi ly hôn bà Ph yêu cầu nuôi cháu Khánh H1, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng Trang H và Ngọc P1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà Ph vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và không bổ sung gì khác.

- Bị đơn ông Phan Văn T nhận được Thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trả lời, không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng quy định pháp luật tố tụng, các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, thời hạn đưa vụ án ra xét xử đúng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ph. Cho bà Ph được ly hôn với ông Phan Văn T.

Về con chung: Giao cháu Phan Ngọc Khánh H1, sinh ngày 22/02/2007 cho bà Ph nuôi dưỡng và giáo dục, ông T không phải cấp dưỡng nuôi cháu Khánh H1. Riêng cháu Phan Ngọc Trang H, sinh ngày 19/3/1993 và Phan Ngọc P1,

sinh ngày 03/3/2004 hiện nay đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết

Về án phí: Buộc bà Ph phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại huyện Tam Bình được thụ lý phù hợp về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Bà Ph và ông T được mai mối thì đi đến hôn nhân và bắt đầu chung sống như vợ chồng từ tháng 01/1990 nhưng không có đăng ký kết hôn, đến ngày 26/9/2002 ông bà đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long P, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà sống hạnh phúc được một khoảng thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Tại Tòa, bà Ph xác định mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cải, mâu thuẫn về kinh tế vì vậy bà Phướng yêu cầu ly hôn với ông T.

Xét bà Ph và ông T có một khoảng thời gian dài sống ly thân. Trong khoảng thời gian này, bà Ph xác định ông bà không còn quan tâm thăm hỏi, chăm sóc cuộc sống của nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông T tham gia hòa giải nhiều lần để các bên tháo gỡ những mâu thuẫn nhưng ông T không tham dự và cũng không trình bày ý kiến phản bác đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Ph. Mặc khác, tại Tòa bà Ph xác định trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu ly hôn thì bà vẫn không thể tiếp tục chung sống với ông T được nữa. Do đó theo lời trình bày của bà Ph có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ph là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà Ph xác định ông bà có 03 con chung tên Phan Ngọc Trang H, sinh ngày 19/3/1993, Phan Ngọc P1, sinh ngày 03/3/2004 và Phan Ngọc Khánh H1, sinh ngày 22/02/2007. Bà Ph yêu cầu nuôi cháu Khánh H1, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung; riêng Trang H và Ngọc P đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án gải quyết.

Xét điều kiện nuôi con: Xét việc bà Ph yêu cầu nuôi cháu Khánh H1 nhằm mục đích chăm sóc nuôi dưỡng để cháu phát triển tốt về mọi mặt; ngoài ra cháu Khánh H1 là cháu gái, cần có sự tư vấn, chăm sóc của người mẹ và cháu Khánh H cũng có nguyện vọng sống chung với bà Ph. Mặc khác, ông T đã được Tòa án thông báo về yêu cầu nuôi con của bà Ph nhưng không có ý kiến phản bác đối với yêu cầu này. Do đó, để đảm bảo cho việc học tập, vui chơi và để đảm bảo sự phát triển về tâm sinh lý, cũng như nguyện vọng của cháu Khánh H1 vì vậy chấp nhận yêu cầu của bà Ph là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Riêng Trang H và Ngọc P1 đã trưởng thành, bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Xét về nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà Ph không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung, ông T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, ông T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ph. Cho bà Nguyễn Thị Ph được ly hôn với ông Phan Văn T

2. Về con chung: Giao cháu Phan Ngọc Khánh H1, sinh ngày 22/02/2007 cho bà Ph nuôi dưỡng và giáo dục, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Riêng Phan Ngọc Trang H, sinh ngày 19/3/1993, Phan Ngọc P, sinh ngày 03/3/2004 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Ph phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Ph được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp ngày 13/02/2023 theo biên lai thu số N_0 0011218 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB thành tiền án phí. Bà Ph đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trương Minh Trường

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.